

Số: 13 /2023/QĐST – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 28 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2023/QĐST -HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 29/8/1979

ĐKKHKT: Khu 2A, xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ .

- Anh Trần Văn B, sinh ngày 28/01/1979

ĐKKHKT: Khu 2A, xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Đài Loan. (Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chi Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B, trình bày: Hai anh chị đăng ký kết hôn ngày 17/12/2003 tại UBND xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh B sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Hiện nay anh B vẫn đang lao động tại Đài Loan và chưa quay lại Việt Nam. Thời gian sống xa nhau thường xuyên, vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chia sẻ. Những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết, khoảng cách địa lý giữa hai vợ chồng quá xa. Mỗi người sống ở một đất nước nên không còn sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai cũng đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Đến nay anh chị xác định tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, hai vợ chồng thống nhất ly hôn. Vì vậy chị V và anh B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận thuận tình ly hôn theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nhật A, sinh ngày 05/01/2005 và Trần Nhật Á, sinh ngày 28/09/200. Khi ly hôn, hai anh chị thống nhất để chị Nguyễn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu An và cháu Ánh. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Trước khi mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự, chị V có đơn đề nghị đến nay cháu Trần Nhật A đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét giao người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản: Anh, chị thống nhất thỏa thuận có tài sản chung nhưng xin được tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Anh, chị thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: anh B

và chị V thống nhất để chị V nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật, không yêu cầu anh B phải chịu.

Do điều kiện công việc, anh B không thể đến Tòa án làm việc. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp giải quyết việc ly hôn vắng mặt anh, không tiến hành hòa giải việc ly hôn giữa anh và chị V. Anh B xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên họp giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị V. Anh B ủy quyền cho chị Nguyễn Thị V thay anh nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh.

Tại bản tự khai, cháu Trần Nhật An và cháu Trần Nhật Á đều trình bày nếu bố mẹ ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho các cháu được ở với mẹ là Nguyễn Thị V.

Thời điểm anh chị làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cháu Trần Nhật A, sinh ngày 05/01/2005 chưa đủ 18 tuổi. Đến thời điểm mở phiên họp giải quyết việc ly hôn; nuôi con thì cháu An đã đủ 18 tuổi. Cháu có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Vì vậy chị không đề nghị xem xét giao người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu An như đơn yêu cầu. Chị Nguyễn Thị V đề nghị được giải quyết vắng mặt (bút lục 45).

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị công nhận thuận tình ly hôn cho chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nhật Á, sinh ngày 28/09/2007 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V do chị V không yêu cầu. Cháu Trần Nhật A, sinh ngày 05/01/2005 tính đến thời điểm giải quyết việc ly hôn đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Vì vậy không xem xét giao người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu An như thỏa thuận của đương sự.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí tố tụng: xác nhận chị Nguyễn Thị V tự nguyện xin chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai

của các đương sự ; ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng : Tại văn bản số: 314/QLXNC-P5 ngày 05/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 16) cung cấp “Trần Văn B, sinh ngày 28/01/1979, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 13/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Theo đó, xác định hiện anh Trần Văn B đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị Nguyễn Thị V hiện đang sinh sống và làm việc tại khu 2A, xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; nuôi con” và thụ lý vụ án, và giải quyết, xét xử vụ án theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết, anh Bằng, chị V có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt. Do vậy, Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định.

[2] Về Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B đăng ký kết hôn ngày 17/12/2003 tại UBND xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu , đăng kí kết hôn tự nguyện , không bị ép buộc là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị V đều thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa công nhận. Do anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị V, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ viết trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai mà anh B gửi về với chữ ký chữ viết trong Giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 40) đã kết luận : *Chữ viết trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Bản tự khai” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ viết “Trần Văn B” dưới mục (chồng) trên “Giấy chứng nhận kết hôn” số 38, đề ngày 17 tháng 12 năm 2003 do Ủy ban nhân dân xã PN, huyện P N, tỉnh Phú Thọ cấp (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.* Do vậy việc chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật tôn trọng nên công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nhất A, sinh ngày 05/01/2005 và Trần Nhật Á, sinh ngày 28/09/2007. Khi ly hôn anh chị đều thống nhất giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu An và cháu Ánh đến khi thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Đối với cháu Trần Nhất A, sinh ngày 05/01/2005 đến thời điểm mở phiên họp ngày 28/3/2023, cháu An An đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Vì vậy không xem xét giao người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu An như thỏa thuận của đương sự.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị V và anh B đối với cháu Ánh phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí trưng cầu giám định: chị Nguyễn Thị V xin tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tiền chi phí trưng cầu giám định cần được xác nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, 369, Điều 370, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B: Giao cháu Trần Nhật Á, sinh ngày 28/09/2007 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V do chị V không yêu cầu. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung. Đối với cháu Trần Nhật Á, sinh ngày 05/01/2005 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động vì vậy không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: xác nhận chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và chi phí trưng cầu giám định: Công nhận chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000406 ngày 30/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Công nhận chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tiền chi phí trưng cầu giám định. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã PN, huyện P N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Thùy Hương